

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chung tôi các tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng
"Công ty" thành lập theo Quyết định số 100/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng
kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng
31/12/2014, tại văn phòng Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

28-C
TY
HỮU H
ĐINH C
AM
P. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Thái Duy Long	Chủ tịch
Bà Đào Thanh Hải	Thành viên
Ông Phạm Thanh Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Minh	Giám đốc
Ông Phạm Đình Ngoan	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng Điệp	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG



Phạm Thanh Minh

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Số: 32 -16/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 20/01/2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		46.899.613.103	43.537.440.370
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.422.332.541	34.153.673.983
1. Tiền	111		15.422.332.541	3.394.673.983
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	30.759.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.297.311.247	9.101.086.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.388.956.322	4.528.103.302
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	32.990.000	578.870.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.875.364.925	3.994.113.342
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	8.299.709	21.546.409
1. Hàng tồn kho	141		8.299.709	21.546.409
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.669.606	261.133.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	171.669.606	261.133.334
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		37.774.644.503	38.312.398.234
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.474.013.846	37.732.479.716
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	37.474.013.846	37.732.479.716
- Nguyên giá	222		112.183.789.817	113.505.364.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.709.775.971)	(75.772.884.290)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		300.630.657	579.918.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	300.630.657	579.918.518
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		84.674.257.606	81.849.838.604

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.772.590.522	19.076.727.914
I. Nợ ngắn hạn	310		16.412.590.522	18.716.727.914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	319.260.555	687.873.477
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	261.214.918	243.224.656
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.10	5.425.611.615	4.925.818.699
4. Phải trả người lao động	314		4.258.869.085	4.398.960.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	153.800.000	562.234.142
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	2.153.329.199	2.187.574.772
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	100.648.255	175.528.687
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	3.101.461.310	4.684.710.846
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		638.395.585	850.802.443
II. Nợ dài hạn	330		360.000.000	360.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	360.000.000	360.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		67.901.667.084	62.773.110.690
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	67.901.667.084	62.773.110.690
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.001.124.543	6.001.124.543
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.181.220.937	3.211.883.358
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.894.882.754	1.613.565.526
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.824.438.850	9.946.537.263
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		569.296.314	447.611.955
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.255.142.536	9.498.925.308
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		84.674.257.606	81.849.838.604

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Đình

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	61.282.104.883	56.435.648.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		61.282.104.883	56.435.648.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.735.637.389	39.681.973.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.546.467.494	16.753.674.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.589.766.473	1.172.473.425
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.672.021	9.716.639
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.159.015.973	5.906.964.287
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		12.959.545.973	12.009.467.364
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.942.247.037	160.912.352
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.927.353.471	26.591.576
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.014.893.566	134.320.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.974.439.539	12.143.788.140
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.719.297.003	2.644.862.832
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.255.142.536	9.498.925.308
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.059	2.233

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

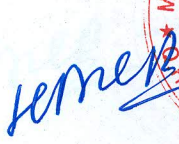
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Đình



Đỗ Thị Hồng Điệp



Phạm Thanh Minh



Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	68.279.116.238	62.035.794.497
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(35.553.622.171)	(32.204.973.835)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.544.018.528)	(13.431.148.386)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.760.870.791)	(3.432.817.426)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.987.635.213	13.114.599.118
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.552.112.842)	(15.987.322.101)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.856.127.119	10.094.131.867
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.616.604.067)	(2.778.900.900)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.472.580.000	177.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	763.570.309	929.731.465
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	619.546.242	(1.672.169.435)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.615.060.800)	(8.435.488.390)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.615.060.800)	(8.435.488.390)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.860.612.561	(13.525.958)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.153.673.983	34.045.515.582
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	408.045.997	121.684.359
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 V.1	39.422.332.541	34.153.673.983

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Mai Đình

Đỗ Thị Hồng Diệp

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 05 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0203003359 ngày 08/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/05/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 VND** (Bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận kho vận ngoại thương.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính;
- Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở Công ty tại: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí bảo hiểm phương tiện, sắm lốp và các chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước này thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí tiền điện, nước, điện thoại,... thực tế đã phát sinh nhưng chưa có chứng từ, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ đang chờ đến thời hạn thanh toán dựa trên hợp đồng đã được ký kết.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giao nhận,... được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24/04/2015.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ giao nhận ngoại quan, dịch vụ giao nhận hàng nhập, dịch vụ lưu kho, bảo quản kho, dịch vụ vận tải, bốc xếp, cân hàng, dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Thu nhập khác là thu nhập từ chuyển nhượng tài sản là nhà kho, vật kiến trúc trên đất thuê tại số 72 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; thu nhập từ thanh lý một số phương tiện vận tải được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng, biên bản bàn giao tài sản.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với nước sạch phục vụ sản xuất và 10% đối với các dịch vụ giao nhận, lưu kho, cân hàng và dịch vụ bốc xếp, vận chuyển.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	189.326.000	174.198.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.233.006.541	3.220.475.983
VND	2.422.361.004	2.542.087.247
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	703.484.170	253.500.080
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.718.876.834	2.288.587.167
USD	12.810.645.537	678.388.736
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	179.811.047	171.065.923
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.630.834.490	507.322.813
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	30.759.000.000
VND	24.000.000.000	19.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	24.000.000.000	19.000.000.000
USD	-	11.759.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	11.759.000.000
Cộng	39.422.332.541	34.153.673.983

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.388.956.322	4.528.103.302
Konoike Transport Co., Ltd	1.039.962.336	234.656.724
Daewoo International Corporantion	526.939.200	318.864.005
Công ty TNHH Thủy tinh SanMiguel Yamamura Hải Phòng	509.152.000	322.300.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Dương Toàn cầu	364.719.500	258.353.000
Công ty TNHH Cơ khí Xây lắp 19/5	286.800.000	581.750.000
Công ty TNHH Châu Giang	247.232.241	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	190.518.130	-
Tất Hồng Heavy Equipment Pte.,Ltd	183.844.650	257.395.290
Asia Alliance Holding Ltd	141.519.265	128.387.028
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	106.580.000	548.600.000
Phu Thai Trading Pte Ltd	105.576.928	400.711.358
Các đối tượng khác	686.112.072	1.477.085.897
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2		
Cộng	4.388.956.322	4.528.103.302

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Liên hợp Xây dựng Huy Hoàng	-	450.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Minh Vũ	15.190.000	22.770.000
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Vận tải Huy An	17.800.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải An Phát	-	106.100.000
Cộng	32.990.000	578.870.000

4. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
- Các khoản tạm ứng	2.002.340.768	-	3.050.717.806	-
- Phải thu khác	873.024.157	-	943.395.536	-
Cộng	2.875.364.925	-	3.994.113.342	-

5. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.299.709	-	21.546.409	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8.299.709	-	21.546.409	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>171.669.606</i>	<i>261.133.334</i>
Phí bảo hiểm phương tiện	130.276.439	160.785.028
Phí sử dụng đường bộ	29.409.081	89.027.035
Ấu quy	11.984.086	11.321.271
<i>b) Dài hạn</i>	<i>300.630.657</i>	<i>579.918.518</i>
Chi phí sắm lốp ô tô	300.630.657	579.918.518
Cộng	472.300.263	841.051.852

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2015	97.006.408.487	1.035.772.718	15.136.659.574	79.798.182	246.725.045	113.505.364.006
- Mua trong năm	-	-	300.736.364	-	-	300.736.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.124.094.606	-	-	-	-	6.124.094.606
- Thanh lý, nhượng bán	(4.007.889.491)	-	(3.738.515.668)	-	-	(7.746.405.159)
Số dư ngày 31/12/2015	99.122.613.602	1.035.772.718	11.698.880.270	79.798.182	246.725.045	112.183.789.817
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2015	67.625.121.080	739.279.420	7.147.753.869	79.798.182	180.931.739	75.772.884.290
- Khấu hao trong năm	3.839.839.230	78.928.812	1.399.005.392	-	49.345.020	5.367.118.454
- Thanh lý, nhượng bán	(3.654.586.155)	-	(2.775.640.618)	-	-	(6.430.226.773)
Số dư ngày 31/12/2015	67.810.374.155	818.208.232	5.771.118.643	79.798.182	230.276.759	74.709.775.971
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2015	29.381.287.407	296.493.298	7.988.905.705	-	65.793.306	37.732.479.716
- Tại ngày 31/12/2015	31.312.239.447	217.564.486	5.927.761.627	-	16.448.286	37.474.013.846

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.215.002.805 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP TM Dịch vụ tổng hợp cảng Hải Phòng	184.348.855	184.348.855	425.241.890	425.241.890
Công ty TNHH Thương mại XNK Đại Dương	48.400.000	48.400.000	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây lắp 19/5	12.000.000	12.000.000	109.300.000	109.300.000
Các đối tượng khác	74.511.700	74.511.700	153.331.587	153.331.587
Cộng	319.260.555	319.260.555	687.873.477	687.873.477

9. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Minh Tâm	120.000.000	-
Vestergaard Frandsen SA	-	143.224.656
Các đối tượng khác	141.214.918	100.000.000
Cộng	261.214.918	243.224.656

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
Đơn vị tính: VND				
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	285.015.209	4.190.970.712	4.239.979.117	236.006.804
Thuế TNDN	1.022.582.832	3.719.297.003	3.760.870.791	981.009.044
Thuế thu nhập cá nhân	55.457.658	196.876.479	187.602.370	64.731.767
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.562.763.000	10.489.812.000	9.908.711.000	4.143.864.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.925.818.699	18.599.956.194	18.100.163.278	5.425.611.615

11. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí sản xuất kinh doanh (tiền điện, nước, điện thoại,...)	153.800.000	562.234.142
Cộng	153.800.000	562.234.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>	100.648.255	175.528.687
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.648.255	175.528.687
b) <i>Dài hạn</i>	360.000.000	360.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	360.000.000	360.000.000
Cộng	460.648.255	535.528.687

13. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu nhận trước dịch vụ lưu kho, giao nhận	2.153.329.199	2.187.574.772
Cộng	2.153.329.199	2.187.574.772

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	3.101.461.310	4.684.710.846
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ định kỳ	3.101.461.310	4.684.710.846
Cộng	3.101.461.310	4.684.710.846

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	42.000.000.000	4.918.728.179	12.479.224.234	59.397.952.413
Lãi trong năm	-	-	9.498.925.308	9.498.925.308
Chia cổ tức	-	-	(8.526.000.000)	(8.526.000.000)
Phân phối các quỹ	-	1.082.396.364	(3.505.612.279)	(2.423.215.915)
Số dư ngày 01/01/2015	42.000.000.000	6.001.124.543	9.946.537.263	57.947.661.806
Lãi trong năm	-	-	13.255.142.536	13.255.142.536
Chia cổ tức	-	-	(6.720.000.000)	(6.720.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(2.657.240.949)	(2.657.240.949)
Số dư ngày 31/12/2015	42.000.000.000	6.001.124.543	13.824.438.850	61.825.563.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	14.229.000.000	14.229.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.377.240.949	12.031.612.279

15.4 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

15.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	3.211.883.358	969.337.579	-	4.181.220.937
Quỹ khác thuộc vốn CSH	1.613.565.526	281.317.228	-	1.894.882.754
Cộng	4.825.448.884	1.250.654.807	-	6.076.103.691

- *) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:
- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.282.104.883	56.435.648.799
Cộng	61.282.104.883	56.435.648.799

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.735.637.389	39.681.973.934
Cộng	42.735.637.389	39.681.973.934

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	763.570.309	929.731.465
Lãi chênh lệch tỷ giá	826.193.187	242.739.931
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.977	2.029
Cộng	1.589.766.473	1.172.473.425

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.671.204	9.715.676
Chi phí tài chính khác	817	963
Cộng	17.672.021	9.716.639

5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	5.942.045.454	160.909.091
Các khoản thu nhập khác	201.583	3.261
Cộng	5.942.247.037	160.912.352

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	1.316.178.386	-
Chi phí khấu hao, chi phí phân bổ của TSCĐ chờ thanh lý	455.341.018	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	99.164.183	8.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Thuế GTGT truy thu theo Quyết định số 4848/QĐ-CT ngày 30/11/2015 của Cục thuế TP Hải Phòng	13.799.636	-
Các khoản chi phí khác	42.870.248	18.091.576
Cộng	1.927.353.471	26.591.576

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7.159.015.973	5.906.964.287
Chi phí nhân viên quản lý	3.992.157.980	3.330.390.693
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	52.065.465	57.627.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.269.921	188.534.952
Khấu hao tài sản cố định	666.158.820	679.952.239
Thuế, phí, lệ phí	392.527.777	203.716.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	737.138.259	822.912.633
Chi phí bằng tiền khác	1.155.697.751	623.829.962
Cộng	7.159.015.973	5.906.964.287

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.927.777.460	6.903.229.921
Chi phí nhân công	14.920.333.694	14.198.461.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.220.203.750	5.478.482.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.920.301.028	13.378.355.068
Chi phí bằng tiền khác	12.906.037.430	5.630.409.215
Cộng	49.894.653.362	45.588.938.221

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	68.406.072.396	57.647.350.217
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	51.732.407.895	45.625.246.436
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	16.673.664.501	12.022.103.781
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.668.206.190	2.644.862.832
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	51.090.813	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.719.297.003	2.644.862.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.255.142.536	9.498.925.308
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(408.045.997)	(121.684.359)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (i)	(408.045.997)	(121.684.359)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.847.096.539	9.377.240.949
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.059	2.233

(i) Các khoản điều chỉnh giảm là lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015 với giá trị 408.045.997 VND.

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) *Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	Công ty mẹ

b) *Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan*

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	1.351.522.861	4.690.916.481
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	1.351.522.861	4.690.916.481

c) *Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu của khách hàng	106.580.000	548.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	106.580.000	548.600.000
Các khoản phải trả khác	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	-	100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	1.076.365.739	1.013.687.908
Tiền thưởng	44.000.000	34.500.000
Các khoản phúc lợi khác	-	15.000.000
Cộng	1.120.365.739	1.063.187.908

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Và như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 200. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khác	943.395.536	(943.395.536)	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.050.717.806	(3.050.717.806)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.994.113.342	3.994.113.342
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.246.944.988	(4.684.710.846)	562.234.142
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	4.684.710.846	4.684.710.846
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	(42.000.000.000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	493.966.854	2.717.916.504	3.211.883.358
Quỹ dự phòng tài chính	2.717.916.504	(2.717.916.504)	-

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Đình



Đỗ Thị Hồng Điệp



Phạm Thanh Minh